

Số: 01/2022/QĐST-HNGĐ

*Phong Điền, ngày 07 tháng 01 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 95/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 giữa:

Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 03 tháng 7 năm 1993; Địa chỉ: tổ dân phố V, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Anh Thái Văn Q, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1993; Địa chỉ: Thôn X, xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 03 tháng 7 năm 1993; Địa chỉ: tổ dân phố V, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Anh Thái Văn Q, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1993; Địa chỉ: Thôn X, xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung là cháu Thái Văn Minh Q, sinh ngày 20/8/2019, hiện nay đang ở với chị T.

Chị T anh Q thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu Thái Văn Minh Q, sinh ngày 20/8/2019 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Q thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị T anh Q thỏa thuận hàng tháng anh Thái Văn Q đóng góp nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thái Văn Minh Q định kỳ mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), kể từ khi ly hôn đến khi cháu Q thành niên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Cả hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001809 ngày 08-10-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị T đã nộp đủ án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND xã Phong Xuân
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Ấn văn.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Đạt**